



**PHIẾU AN TOÀN DỮ LIỆU
ZIP PATCH ACTIVATOR**

PHẦN 1: Nhận dạng chất/ hỗn hợp chất và công ty/doanh nghiệp

Nhận dạng sản phẩm

Tên sản phẩm ZIP PATCH ACTIVATOR

Số hiệu sản phẩm X0057

Mục đích sử dụng của chất hoặc hỗn hợp có liên quan được xác định và mục đích sử dụng được khuyến cáo không nên

Mục đích sử dụng đã được xác định Chất kích hoạt.

Chi tiết về nhà cung cấp phiếu an toàn dữ liệu

Nhà cung cấp

ITW Performance Polymers
Bay 150
Shannon Industrial Estate
Co. Clare
Ireland
V14 DF82
353(61)771500
353(61)471285
mail@itwpp.com

Số điện thoại khẩn cấp

Số điện thoại khẩn cấp +44(0)1235 239 670 (24h)

PHẦN 2: Nhận dạng nguy hại

Phân loại chất hoặc hỗn hợp

Nguy hại vật chất Chất lỏng dễ cháy loại 2 - H225

Nguy hại về sức khỏe Kích ứng da loại 2 - H315 Kích ứng mắt loại 2 - H319 Mẫn cảm da loại 1 - H317 Đột biến gen tế bào mầm loại 2 - H341 Độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể - phơi nhiễm đơn loại 3 - H335

Nguy hại về môi trường Không xếp loại

Thành phần nhân

Hình đồ



Từ cảnh báo

Nguy hiểm

ZIP PATCH ACTIVATOR

Câu cảnh báo nguy cơ	H225 Chất lỏng và hơi rất dễ cháy. H315 Gây kích ứng da. H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng với da. H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng. H335 Có thể gây kích ứng hô hấp. H341 Nghi ngờ là tác nhân gây lỗi gen.
Câu phòng ngừa	P210 Tránh nhiệt, bề mặt nóng, tia lửa, ngọn lửa trần và các nguồn phát lửa khác. Không hút thuốc. P261 Tránh hít hơi/ bụi nước. P280 Đeo găng tay/ quần áo/ kính/ mặt nạ bảo hộ. P302+P352 NEU DÍNH VÀO DA: Rửa sạch với nhiều nước. P304+P340 NEU HÍT PHẢI: Đưa người ra chỗ thoáng khí và để thở. P305+P351+P338 NEU DÍNH VÀO MẮT: Rửa cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa.
Bao gồm	METHYL METHACRYLATE

Các nguy hại khác

Sản phẩm này không chứa bất kỳ chất nào được phân loại PBT (bền vững, dễ tích tụ sinh học và độc hại) hoặc vPvB (rất bền vững, rất dễ tích tụ sinh học).

PHẦN 3: Thành phần/thông tin về thành phần

Hỗn hợp

METHYL METHACRYLATE	60-100%
Số CAS: 80-62-6	
Phân loại	
Chất lỏng dễ cháy loại 2 - H225	
Kích ứng da loại 2 - H315	
Mẫn cảm da loại 1 - H317	
Độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể - phơi nhiễm đơn loại 3 - H335	
3,5-diethyl-1,2-dihydro-1-phenyl-2-propylpyridine	10-30%
Số CAS: 34562-31-7	
Phân loại	
Độc tính cấp tính loại 4 - H302	
Độc tính cấp tính loại 4 - H312	
Kích ứng da loại 2 - H315	
Kích ứng mắt loại 2A - H319	

Văn bản đầy đủ của tất cả các câu cảnh báo nguy hại được hiển thị ở Phần 16.

PHẦN 4: Biện pháp sơ cứu

Mô tả các biện pháp sơ cứu

Thông tin chung	Tránh tiếp xúc với da và mắt. Trong trường hợp tai nạn hay thấy không được khỏe, tìm tư vấn y tế ngay lập tức (cho họ xem nhãn nếu có thể).
Sự hít phải	Đưa người bị ảnh hưởng đến nơi thoáng khí ngay lập tức. Khi thấy khó thở, người đã qua đào tạo bài bản có thể hỗ trợ người bị ảnh hưởng điều chỉnh oxy. Tìm hỗ trợ y tế nếu sự khó chịu vẫn tiếp tục.

ZIP PATCH ACTIVATOR

Sự ăn phải	DO NOT induce vomiting. Get medical attention immediately. Uống nhiều nước. Không bao giờ được cho bất kỳ thứ gì qua đường miệng cho một người đang bất tỉnh. Không cố nôn ra. Nếu bị nôn mửa, đầu phải được giữ thấp để chất nôn không chảy vào phổi.
Tiếp xúc với da	Cởi quần áo bị nhiễm hóa chất ngay lập tức và rửa da với xà phòng và nước. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.
Tiếp xúc với mắt	Tháo kính áp tròng nếu có và mở to mắt. Tiếp tục rửa trong ít nhất 15 phút và tìm hỗ trợ y tế. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.

Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và mãn tính

Thông tin chung	Mức độ nghiêm trọng của các triệu chứng được mô tả sẽ khác nhau tùy thuộc vào nồng độ và thời gian tiếp xúc.
------------------------	--

Chỉ định chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt cần thiết

Ghi chú cho bác sĩ	Không có khuyến nghị cụ thể. Nếu có nghi ngờ, tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức.
---------------------------	---

PHẦN 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Cách chữa cháy

Cách chữa cháy phù hợp	Đập lửa với bọt, cacbon dioxit hoặc bột khô.
-------------------------------	--

Những nguy hại đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp

Những nguy hại cụ thể	Tránh hít khí hoặc hơi cháy. Highly flammable Hơi này nặng hơn không khí và có thể di chuyển trên sàn nhà và tích tụ dưới đáy thùng chứa. Hơi này có thể bắt lửa từ tia lửa, bề mặt nóng hoặc tro sắp tàn. Hơi nặng hơn không khí và có thể lan rộng trên mặt đất và di chuyển một đoạn xa đến một nguồn phát lửa và nổ lan đến điểm xuất phát.
------------------------------	---

Lời khuyên cho nhân viên cứu hỏa

Những hành động bảo hộ trong khi chữa cháy	Keep up-wind to avoid fumes. Không sử dụng bình xịt nước để dập lửa, vì việc này sẽ làm lan rộng đám cháy. Làm mát các thùng chứa tiếp xúc với ngọn lửa bằng nước một lúc lâu sau khi lửa đã được dập. Kiểm soát nước chảy bằng cách chứa và giữ không để chảy vào hệ thống cống rãnh và kênh rạch.
Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa	Đeo bình thở dưỡng khí oxy áp lực dương và mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

PHẦN 6: Biện pháp xử lý tai nạn

Các cảnh báo cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp

Những cảnh báo cho cá nhân	Warn everybody of potential hazards and evacuate if necessary. Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này. Do not breathe vapour. Cung cấp hệ thống thông gió tốt. Không hút thuốc, đánh lửa, lửa trần hoặc các nguồn cháy khác gần chỗ tràn đổ. Take precautionary measures against static discharges.
-----------------------------------	---

Các cảnh báo về môi trường

Những cảnh báo về môi trường	Tránh hoặc hạn chế tối đa việc tạo ra ô nhiễm môi trường. Không xả thải vào ống thoát nước hoặc hệ thống nước hoặc trên mặt đất. Tràn đổ và xả thải không kiểm soát vào nguồn nước phải được báo cáo ngay lập tức với Cục Môi trường hoặc cơ quan quản lý thích hợp khác.
-------------------------------------	---

Các phương pháp và chất liệu để ngăn chặn và làm sạch

Các phương pháp lau dọn	Hấp thụ chất tràn đổ với chất liệu hấp thụ không dễ cháy. Thu gom và đổ vào các thùng chứa chất thải phù hợp và niêm phong kín. Các thùng chứa chất bị tràn đổ phải được ghi nhãn đúng quy cách với thành phần chính xác và ký hiệu nguy hại.
--------------------------------	---

Tham khảo cho các phần khác

ZIP PATCH ACTIVATOR

Tham khảo cho các phần khác Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này.

PHẦN 7: Xử lý và lưu giữ

Các cảnh báo cho việc an toàn sử dụng

Những lưu ý khi sử dụng Cung cấp đầy đủ hệ thống thông gió chung và quạt hút thông gió khu vực. Xem tất cả các giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp của sản phẩm hoặc của các thành phần. Tránh hít phải hơi. Tránh làm đổ ra ngoài. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Loại bỏ tất cả các nguồn phát lửa. Ngăn chặn điện tĩnh và sự hình thành các tia lửa điện. Các bể chứa và thùng chứa trong lưu trữ phải được nối với đất. Do not eat, drink or smoke when using the product. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt.

Các điều kiện an toàn lưu giữ, bao gồm cả những điều không nên

Những cảnh báo về lưu giữ hóa chất Lưu trữ trong thùng chứa gốc ban đầu, đóng kín, ở nơi khô ráo, thoáng mát và thông gió tốt. Không để gần nguồn nhiệt, tia lửa và ngọn lửa trần. Không lưu trữ gần các chất liệu không tương thích (xem Phần 10).

Mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng

(Những) mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng Các công dụng đã được xác định của sản phẩm này được trình bày trong Phần 1.

PHẦN 8: Quản lý Phơi nhiễm/ bảo hộ cá nhân

Chú thích thành phần WEL = Workplace Exposure Limits

Quản lý phơi nhiễm

Thiết bị bảo hộ



Kiểm soát kỹ thuật phù hợp Cung cấp đầy đủ hệ thống thông gió chung và quạt hút thông gió khu vực. Xem tất cả các giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp của sản phẩm hoặc của các thành phần.

Bảo hộ mắt/mặt Phải đeo kính theo tiêu chuẩn đã được phê duyệt nếu đánh giá rủi ro chỉ ra việc tiếp xúc với mắt có thể xảy ra. Đeo thiết bị bảo hộ sau: Kính chống hóa chất bắn tóe. Phải đeo thiết bị bảo hộ cá nhân cung cấp sự bảo vệ mắt và mặt phù hợp.

Bảo hộ tay Đeo găng tay bảo hộ làm từ chất liệu sau: Rubber or plastic. Để bảo vệ tay khỏi hóa chất, đeo găng tay đã được chứng minh là kháng hóa chất và chống ăn mòn. Găng tay được lựa chọn phải có thời gian thẩm thấu ít nhất 8 giờ.

Bảo hộ khác cho da và cơ thể Mặc bộ bảo hộ hóa chất.

Các biện pháp về vệ sinh Cung cấp nơi để rửa mắt và tắm. Tránh xa thực phẩm, đồ uống và đồ ăn cho động vật. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt. Rửa tay và các chỗ bị nhiễm hóa chất trên cơ thể với xà phòng và nước trước khi rời khỏi khu làm việc. Do not eat, drink or smoke when using the product. Thay quần áo làm việc hằng ngày trước khi rời nơi làm việc.

Bảo hộ cho hô hấp Nếu hệ thống thông gió kém, phải đeo thiết bị bảo hộ hô hấp phù hợp. Đeo mặt nạ hợp với bộ lọc sau: Bộ lọc khí, loại A2. Việc lựa chọn mặt nạ phải dựa trên mức độ phơi nhiễm, nguy hại của sản phẩm và giới hạn an toàn nơi làm việc của mặt nạ được chọn lựa. Mặt nạ phải vừa với khuôn mặt và bộ lọc phải được thay thường xuyên. Phải sử dụng mặt nạ hô hấp nửa mặt và một phần tư mặt với hộp lọc có thể thay thế được phù hợp với mục đích sử dụng.

PHẦN 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất

ZIP PATCH ACTIVATOR

Thông tin về tính chất lý, hóa cơ bản của hóa chất

Hình dáng bên ngoài	Chất lỏng.
Màu sắc	Vàng hổ phách.
Mùi đặc trưng	Mùi dung môi.
Độ pH	pH (dung dịch pha loãng): 7-8 5%
Điểm sôi ban đầu và phạm vi sôi	79.4 (MEK)°C @
Điểm chớp cháy	-4.4 (MEK)°C
Tỷ lệ hóa hơi	5.7 (butyl acetate =1)
Điểm cháy trên/dưới hoặc giới hạn gây nổ	Giới hạn cháy/nổ dưới: 1.4 Giới hạn cháy/nổ trên: 11.4
Áp suất hơi	71 @ °C
Tỷ trọng hơi	2.5
Tỷ trọng tương đối	0.85 @ 20 °C
Tính dễ bay hơi	77

PHẦN 10: Mức độ ổn định và khả năng hoạt động của hóa chất

Khả năng hoạt động của chất	Chất oxy hóa mạnh. Chất khử mạnh. Axit.
Mức độ ổn định của chất	Bền ở nhiệt độ thường và được sử dụng như khuyến nghị.
Khả năng gây ra phản ứng nguy hại	Không polyme hóa.
Các tình trạng cần tránh	Tránh nhiệt, ngọn lửa và các nguồn phát lửa khác. Tránh nhiệt độ quá cao trong khoảng thời gian kéo dài.
Các vật liệu cần tránh	Chất oxy hóa mạnh. Chất khử mạnh. Đồng. Axit mạnh.
Các sản phẩm cháy nguy hại	Oxit của cacbon. Thermal decomposition or combustion may liberate carbon oxides and other toxic gases or vapours. Thermal decomposition or combustion may liberate carbon oxides and other toxic gases or vapours. Oxit của cacbon. Oxit của nitơ. Hydro clorua (HCl). Xyanua.

PHẦN 11: Thông tin về độc tính

Thông tin về tác động của độc tính

Độc tính cấp tính- qua đường miệng

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường miệng (mg/kg) 333.333,0

Độc tính cấp tính- qua da

Dự đoán độ độc cấp tính qua da (mg/kg) 733.333,0

Sự hít phải Vapours may cause drowsiness and dizziness.

Sự ăn phải Có thể gây buồn nôn, đau đầu, chóng mặt và nhiễm độc. Ước chế hệ thần kinh trung ương.

ZIP PATCH ACTIVATOR

Tiếp xúc với da Gây kích ứng da. Sản phẩm này gây mất mỡ trên da.

Tiếp xúc với mắt Gây kích ứng cho mắt. Nguy cơ hủy hoại mắt nghiêm trọng.

PHẦN 12: Thông tin về sinh thái

Độc tính môi sinh Avoid release to the environment.

Độc tính Không được cho là gây độc cho cá.

Độ bền vững và độ phân hủy

Độ bền và độ phân hủy Không có dữ liệu về tính phân hủy sinh học của sản phẩm này.

Tiềm năng tích tụ sinh học

Khả năng tích lũy sinh học Không có dữ liệu về độ tích tụ sinh học.

Tính di động trong đất

Tính di động Không xả thải vào ống thoát nước hoặc hệ thống nước hoặc trên mặt đất.

Các tác động có hại khác

Các tác động có hại khác Không có.

PHẦN 13: Cân nhắc trong việc thải bỏ

Các biện pháp xử lý chất thải

Thông tin chung Khi xử lý chất thải, các biện pháp phòng ngừa an toàn áp dụng trong xử lý sản phẩm phải được cân nhắc.

Các phương pháp thải bỏ Thải bỏ chất thải ở khu xử lý chất thải có giấy phép theo yêu cầu của Cơ quan Xử lý Chất thải địa phương.

Nhóm chất thải 08 04 99

PHẦN 14: Thông tin trong việc vận chuyển

Chung Không có thông tin khác.

Số UN

Số UN (Đường bộ/Đường sắt) 1193

Số UN (IMDG) 1193

Số UN (ICAO) 1193

Tên vận chuyển chuẩn UN

Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (Đường bộ/Đường sắt) ETHYL METHYL KETONE (METHYL ETHYL KETONE)

Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (IMDG) ETHYL METHYL KETONE (METHYL ETHYL KETONE)

Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (ICAO) ETHYL METHYL KETONE (METHYL ETHYL KETONE)

Vận chuyển các nhóm chất nguy hại

Nhóm Đường bộ/Đường sắt 3

Nhãn Đường bộ/Đường sắt 3

ZIP PATCH ACTIVATOR

Nhóm IMDG 3

Nhóm/ mục ICAO 3

Nhãn vận chuyển



Nhóm đóng gói

Nhóm đóng gói Đường bộ/Đường sắt II

Nhóm đóng gói IMDG II

Nhóm đóng gói ICAO II

Các nguy hại về môi trường

Chất gây nguy hại cho môi trường/ chất ô nhiễm thủy sinh

Không.

Những lưu ý đặc biệt cho người sử dụng

EmS F-E, S-D

Số xác định nguy hại (Đường bộ/Đường sắt) 33

Vận chuyển số lượng lớn theo Phụ lục II của MARPOL 73/78 và mã IBC Không yêu cầu dữ liệu thông tin.

Phụ lục II của MARPOL 73/78 và mã IBC

PHẦN 15: Thông tin luật định

PHẦN 16: Thông tin khác

Ngày sửa đổi 04/04/2018

Sửa đổi 12

Ngày thay thế 28/04/2016

Câu cảnh báo nguy hại đầy đủ H225 Chất lỏng và hơi rất dễ cháy.
 H302 Gây hại nếu nuốt phải.
 H312 Gây hại nếu tiếp xúc với da.
 H315 Gây kích ứng da.
 H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng với da.
 H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
 H335 Có thể gây kích ứng hô hấp.
 H341 Nghi ngờ là tác nhân gây lỗi gen.

Thông tin này chỉ áp dụng cho chất liệu cụ thể được ghi rõ và có thể vô giá trị khi chất liệu này được sử dụng kết hợp với chất liệu khác hoặc trong quá trình khác. Thông tin này, dựa trên kiến thức tốt nhất và niềm tin của công ty, là chính xác và đáng tin cậy kể từ ngày được ghi. Tuy nhiên, không có bảo đảm hoặc tuyên bố chính thức nào về tính chính xác, độ tin cậy hoặc tính trọn vẹn của thông tin. người sử dụng tự có trách nhiệm trong việc sử dụng thông tin phù hợp với yêu cầu sử dụng riêng của bản thân.